TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HOÀ
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 142/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp;
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi.
2. Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 512/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: Chị N, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: Ấp P, xã Z, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
Bị đơn: Anh T, sinh năm: 1989;
Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
(Chị N có mặt; Anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/5/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng N tại phiên tòa chị N trình bày: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2011, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống không hợp nhau nên ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T

Về con chung: Có 01 con chung tên P, sinh ngày 23/10/2013 hiện anh T đang nuôi. Khi ly hôn, chị N xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh T: Anh T xác nhận lời trình bày của chị N về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh T và chị N theo chị N trình bày là đúng. Nay chị N xin ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên P, sinh ngày 23/10/2013 hiện anh T đang nuôi. Khi ly hôn, anh T xin được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Tại phiên Tòa ngày hôm nay, chị N thay đổi yêu cầu khởi kiện "Về con chung: Chị N đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi và chị N không cấp dưỡng nuôi con". Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị N tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2011, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N và anh T chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn kéo dài cuộc sống hôn nhân Nng không được nên đã ly than tứ tháng 3/2017 đến nay. Nay chị N và anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn nên thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn và nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên P, sinh ngày 23/10/2013 hiện anh T đang nuôi. Khi ly hôn thì cả chị N và anh T đều xin được quyền nuôi con chung. Tại phiên tòa ngày hôm nay,

chị N thay đổi yêu cầu tranh chấp nuôi con. Chị N đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi và chị N không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị N và anh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xin ly hôn với anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên P, sinh ngày 23/10/2013 hiện anh T đang nuôi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, anh T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chị N có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 2816 ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, chị N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản san bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã M
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp